

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-PT
Ngày 10/5/2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương

Ông Ong Thân Thắng

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân, tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2018/TLPT- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: ông Vũ Văn H, sinh năm 1953 (có mặt)

-Bị đơn: bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954 (có mặt)

Đều trú quán: thôn D, xã A, huyện T, Bắc Giang

-Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là ông Vũ Văn H trình bày:

Ông kết hôn với bà Nguyễn Thị C năm 1975, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng không có vấn đề gì. Đến năm 2002, ông giải ngũ về hưu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C cư xử quá đáng với ông. Khoảng từ năm 2013 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn do ông đi làm ăn xa nhà và bà C nghi ngờ ông quan hệ ngoại tình đã xúc phạm ông quá đáng làm ông không chịu đựng được, giữa ông và bà không còn tình nghĩa gì nữa, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà C.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà kết hôn với ông Vũ Văn H năm 1975 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn bà về chung sống cùng ông. Đến năm 2013, ông H đi làm ăn xa nhà đã quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà và các con biết sự việc đã khuyên nhủ ông nhiều lần nhưng ông H vẫn không chung thủy với bà. Nay ông H đề nghị ly hôn bà thì bà không nhất trí vì bà vẫn còn tình cảm với ông và muốn cùng ông xây dựng gia đình cho các con chung.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà C vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Với nội dung trên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 26/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Vũ Văn H. Trả lại ông Vũ Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003995 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/02/2018 bà Nguyễn Thị C kháng cáo bản án, bà C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Bà C kháng cáo không đồng ý ly hôn ông H. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang bác đơn ly hôn của ông H để vợ chồng về đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông Vũ Văn H không rút đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị C không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử cho ông H được ly hôn bà. Bà đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét bác đơn ly hôn của ông H để cùng nhau xây dựng gia đình cho các con. Lý do bà vẫn còn tình cảm với ông H. Do ông H có quan hệ với người khác nên yêu cầu ly hôn bà, các con bà đã khuyên ông H nhiều nhưng ông H không nghe.

Ông Vũ Văn H trình bày: Ông không đồng ý kháng cáo của bà C, bà C trình bày nhiều nội dung không đúng, trong cuộc sống hàng ngày ông phải kìm hãm nhiều lần vì bà gây chuyện với ông. Ông xác định tình cảm với bà C không còn, Tòa án không cho ông ly hôn thì ông cũng không thể chung sống cùng bà C vì hiện ông và bà C tuy vẫn sống cùng nhà nhưng ăn riêng, ở riêng không ai quan tâm ai. Ông đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bà C. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị C kết hôn năm 1975 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H. Quá trình chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do cách cư xử không đúng mực của bà C, họ hàng ông không thể chấp nhận được bà C nữa. Nay ông H xác định ông không còn tình cảm với bà C, ông cương quyết đề nghị được ly hôn bà C. Bản án sơ thẩm xử cho ông H được ly hôn bà C. Bà C kháng cáo đề nghị bác đơn ly hôn của ông H. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa bà C trình bày bà không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với ông H và muốn duy trì hôn nhân để cùng nhau có trách nhiệm với các con, phía ông H trình bày ông không còn tình cảm với bà C mâu thuẫn vợ chồng từ năm

2004 và âm ỉ kéo dài từ đó đến năm 2013 thì trầm trọng và trong cuộc sống ông phải kìm hãm nhiều về cách cư xử của bà C. Nếu Tòa án có bác đơn ly hôn theo yêu cầu của bà C thì ông cũng không thể chung sống với bà C. Ngoài ra, Ông H, bà C đều thừa nhận mặc dù chung sống cùng nhà nhưng ăn riêng, ngủ riêng, không ai quan tâm tới ai. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông H và bà C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, bản án sơ thẩm đã giải quyết cho ông H được ly hôn bà C là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nên căn cứ khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Về án phí: bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà C theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp, miễn, giảm tiền tạm ứng án phí, lệ phí, tiền án phí, lệ phí tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Vũ Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

2. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Vũ Văn H. Hoàn trả ông Vũ Văn H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003995 ngày 06/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện T;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã Ký)

- CCTHADS huyện T;
- UBND xã D, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu HS, HCTP.

Hoàng Thị Thu Hiền